TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2024/HS-ST Ngày 26 - 11 – 2024	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Diệp Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến L, sinh ngày 27/12/1992; nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trần Thị Tuyết N; con: 01 con (sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 22/2014/HSST ngày 27/3/2014 của Toà án nhân dân huyện LT xử phạt Nguyễn Tiến L 03 năm 03 tháng tù về tội Cướp tài sản. *(Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015. Chấp hành xong án phí và các quyết định khác của bản án ngày 19/5/2014)*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện L (có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện

L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Anh Trần Văn T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968; nơi cư trú: TDP L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 22/6/2024, Nguyễn Tiến L, sinh năm 1992 trú tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc một mình điều khiển xe mô tô BKS 88K1-344.41 đi từ nhà đến thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, mục đích để chờ xem có ai có tài sản sơ hở thì cướp giật. Khi đến nơi, L dừng xe mô tô ở cạnh cửa hàng tạp hóa của bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1969 *(Khu vực này là nơi thường xuyên có các công nhân đến đứng chờ xe ô tô khách đón để đưa đi làm)* và ngồi trên yên xe mô tô để quan sát. Khoảng 10 phút sau, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990 trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đi bộ đến đứng ở lề đường cách vị trí của L khoảng 15 - 20 mét để chờ xe ô tô khách đón và chở đi làm. Khi này, chị T1 cầm 01 chiếc điện thoại di động Oppo F5 trên tay để xem tin nhắn. Thấy vậy, L khởi động xe mô tô, điều khiển đi qua vị trí của chị T1 đứng để quan sát kỹ rồi quay xe vòng ngược lại đi áp sát và dùng tay trái giật điện thoại của chị T1 rồi tăng ga bỏ chạy. Chị T1 đuổi theo L và hô "*Cướp, cướp*" nhưng không đuổi kịp. Sau khi cướp giật được điện thoại, L đi đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cố chiếc điện thoại trên được số tiền 230.000đ và L đã tiêu xài cá nhân hết. Đến buổi chiều cùng ngày, L gọi điện cho anh Trần Văn T2, sinh năm 1994 trú tại thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (là em vợ của L) hỏi vay tiền, do anh T2 không có tiền nên anh T2 cho L đem xe mô tô BKS 88K1-344.41 (là xe của anh T2 đang cho L mượn để đi lại) đi cầm cố nên L đến gặp ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968 trú tại T, thị trấn L, huyện L vay số tiền 1.500.000đ và L để lại chiếc xe mô tô BKS 88K1-344.41 để làm tin. Sau khi biết chị T1 viết đơn trình báo cơ quan công an, cùng ngày L đến công an huyện L đầu thú. Quá trình điều tra, L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 27/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: *Giá trị của chiếc điện thoại di động Oppo F5 (bên trong có lắp 02 thẻ sim) là 900.000đ.*

Đối với anh Nguyễn Quốc V là người nhận cầm cố chiếc điện thoại di động Oppo F5 của L. Anh V đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định anh V không biết chiếc điện thoại là tài sản do L phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đối với số tiền 230.000đ anh V đưa cho L khi nhận cầm cố điện thoại, anh V không yêu cầu L phải trả lại.

Đối với ông Nguyễn Thiệu N2 là người cho L vay tiền và giữ chiếc xe môtô BKS 88K1-344.41. Quá trình điều tra xác định, khi L vay tiền và để lại chiếc xe trên để làm tin thì được sự cho phép của chủ sở hữu phương tiện (anh Trần Văn T2). Ông N2 không biết chiếc xe trên L sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng sau khi biết sự việc ông N2 đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho cơ quan điều tra. Đối với số tiền 1.500.000đ cho L vay, ông N2 không yêu cầu L phải trả lại.

** Về vật chứng thu giữ:*

- 01 điện thoại di động Oppo F5 kèm theo 02 thẻ sim- là tài sản của chị Nguyễn Thị T1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1 là có căn cứ.

- 01 xe mô tô BKS 88K1-344.41- là phương tiện L dùng để cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Trần Văn T2. Anh T2 cho L mượn xe làm phương tiện đi lại không biết L dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh T2 là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số: 87/CT- VKSLT ngày 29/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến L về tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội *"Cướp giật tài sản"* áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam 22/6/2024. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Bị hại chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra xác nhận đã nhận lại tài sản, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V có mặt tại phiên tòa không yêu cầu L phải trả lại số tiền 230.000 đồng L cầm cố chiếc điện thoại và không có yêu cầu gì khác về dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T2, ông Nguyễn Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra anh T2 xác nhận đã nhận chiếc xe mô tô, ông N1 không yêu cầu L phải trả lại số tiền cho L vay, đều không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Bị cáo L nói lời sau cùng, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 22/6/2024, tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Tiến L một mình điều khiển xe mô tô BKS 88K1-344.41 dùng tay cướp giật của chị Nguyễn Thị T1 trú tại thôn T, xã B, huyện L đang đứng ở lề đường 01 chiếc điện thoại di động Oppo F5 (bên trong có lắp 02 thẻ sim) trị giá 900.000đ.

[3] Hành vi nêu trên của Nguyễn Tiến L đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phát tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;"

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện LT xét xử về tội cướp tài sản, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đến 100.000.000 đồng".* do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại di động Oppo F5 kèm theo 02 thẻ sim- là tài sản của chị Nguyễn Thị T1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1 là có căn cứ.

- 01 xe mô tô BKS 88K1-344.41- là phương tiện L dùng để cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Trần Văn T2, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh T2 là có căn cứ.

- Anh Nguyễn Quốc V đưa cho L số tiền 230.000 đồng khi nhận cầm cố chiếc điện thoại; ông Nguyễn Văn N1 cho L vay số tiền 1.500.000 đồng. Anh V

và ông N1 đều không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tiến L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 22/6/2024.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tiến L phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- Cơ quan CSĐT CA huyện LT;
- Cơ quan THAHS CA huyện LT;
- Nhà tạm giữ CA huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Văn Chung	**Đặng Văn Minh**	**Nguyễn Xuân Trọng**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Viết Khang	**Tạ Tất Hưng**	**Nguyễn Xuân Trọng**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những gười tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Viết Khang	**Tạ Tất Hưng**	**Nguyễn Xuân Trọng**